

SỐ LIỆU TRỒNG TRỌT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA THÁNG 4 NĂM 2024

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước		Năm báo cáo		So với cùng kỳ (%)		Giải trình biến động số liệu tăng, giảm
		Chính thức tháng	Cộng dồn đến tháng	Ước tháng thực hiện	Cộng dồn đến tháng thực hiện	Năm trước	Cộng dồn đến tháng thực hiện	
A	C	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	7
I. NÔNG NGHIỆP								
A. Cây hàng năm								
1. Lúa nương								
- Diện tích gieo cấy	Ha							
- Diện tích thu hoạch	Ha							
- Năng suất thu hoạch	Tạ/ha							
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							
2. Sắn								
- Diện tích gieo trồng	Ha	13.418	13.418	10.662	10.662	79,5	79,5	Do điều kiện thời tiết khô hạn nắng nóng cục bộ
- Diện tích thu hoạch	Ha							
- Năng suất thu hoạch	Tạ/ha							
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							
3. Dong riềng								
- Diện tích gieo trồng	Ha							
- Diện tích thu hoạch	Ha							
- Năng suất thu hoạch	Tạ/ha							
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước		Năm báo cáo		So với cùng kỳ (%)		Giải trình biến động số liệu tăng, giảm
		Chính thức tháng	Cộng dồn đến tháng	Ước tháng thực hiện	Cộng dồn đến tháng thực hiện	Năm trước	Cộng dồn đến tháng thực hiện	
4. Ngô làm thức ăn chăn nuôi vụ Đông Xuân								
- Diện tích gieo cấy	Ha	348	1.284	324	1.145	93,1	89,2	
- Diện tích thu hoạch	Ha	219	499	179	445	81,7	89,2	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn	5.595	14.216	4.744	12.912	84,8	90,8	
B. Cây lâu năm								
1. Cây ăn quả								
Tổng diện tích hiện có	Ha		70.276		71.089		101,2	
Tổng diện tích trồng mới	Ha		35		13		37,1	
1.1. Xoài								
- Diện tích hiện có	Ha		19.867		19.520		98,3	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							
1.2. Chuối								
- Diện tích hiện có	Ha		5.838		6.103		104,5	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		18.363		18.799		102,4	
1.3. Thanh long								
- Diện tích hiện có	Ha		228		258		113,2	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		13		13		100,0	
1.4 Bơ								
- Diện tích hiện có	Ha		1.168		1.139		97,5	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							
1.5. Chanh leo								
- Diện tích hiện có	Ha		755		529		70,1	

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước		Năm báo cáo		So với cùng kỳ (%)		Giải trình biến động số liệu tăng, giảm
		Chính thức tháng	Cộng dồn đến tháng	Ước tháng thực hiện	Cộng dồn đến tháng thực hiện	Năm trước	Cộng dồn đến tháng thực hiện	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		175		284		162,3	
1.6. Cam								
- Diện tích hiện có	Ha		1.898		1.856		97,8	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		1.449		1.521		105,0	
1.7. Bưởi								
- Diện tích hiện có	Ha		2.420		2.381		98,4	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		2.024		2.171		107,3	
1.8. Mận								
- Diện tích hiện có	Ha		12.207		12.411		101,7	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		14.109		13.090		92,8	
1.9 Nhãn								
- Diện tích hiện có	Ha		19.728		19.730		100,0	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							
2. Cao su								
- Diện tích hiện có	Ha		5.388		5.262		97,7	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		200,02		156		78,1	Thời tiết nắng nóng, t4 k thu hoạch
3. Cà phê								
- Diện tích hiện có	Ha		18.836		20.926		111,1	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		1.160		1.300		112,1	
4. Chè								
- Diện tích hiện có	Ha		5.827		5.857		100,5	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		2.612		2.456		94,0	